

Số: 03/QĐ-THLH

Liên Hòa, ngày 03 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước
năm 2025 của Trường Tiểu học Liên Hòa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LIÊN HÒA

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2024 của Phòng GDĐT thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Tiểu học Liên Hòa (theo biểu đính kèm).

Thời gian công khai: Từ ngày 03/01/2025 đến hết ngày 03/02/2025

Địa điểm công khai: Bảng công khai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, và các ông (bà) liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các bộ phận liên quan;
- Lưu: VT,...

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Doanh

Đơn vị: Trường TH Liên Hòa

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-THLH ngày 03/01/2025 của Trường TH Liên Hòa)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.791,700
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.791,700
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.791,700
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.647,000
	Mục 6000 - Tiền lương	3.075,000
	Mục 6100 - Phụ cấp lương	1.740,000
	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể	120,000
	Mục 6300 - Các khoản đóng góp	1.404,000
	Mục 6500 - Thanh toán dịch vụ công cộng	120,000
	Mục 6550 - Vật tư văn phòng	293,000
	Mục 6600 - Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	40,000
	Mục 6650 - Hội nghị	15,000
	Mục 6700 - Công tác phí	30,000
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn	180,000
	Mục 6900 - Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	150,000

	Mục 6950 - Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	150,000
	Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	180,000
	Mục 7750 - Chi khác	150,000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.144,700
	Mục 6050 - Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	184,140
	Mục 6100 - Phụ cấp lương	231,000
	Mục 6200 - Tiền thưởng	345,000
	Mục 6300 - Các khoản đóng góp	45,860
	Mục 6150 - Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	24,000
	Mục 6550 - Vật tư văn phòng	25,000
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn	182,000
	Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	107,700

Số: 888/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung tự chủ về nhân lực, tự chủ về tài chính tại Đề án tự chủ của các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên: Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 7962/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã; Quyết định số 8226/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2025 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

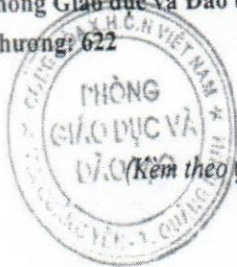
Nơi nhận:

- Phòng TC-KH thị xã;
- KBNN thị xã;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thúy



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị: Trường Tiểu học Liên Hoà

Mã số: 1026582

Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Phân bổ dự toán thu dịch vụ (học phí)		
1	Dự toán thu	0	
2	Chi từ nguồn thu được để lại	0	
	Chi sự nghiệp giáo dục	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	
-	Chi lương và các khoản theo lương		
-	Chi hoạt động thường xuyên	0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.791,7	
	Chi sự nghiệp giáo dục	8.791,7	
I	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ NSNN cấp (=1.1+1.2+1.3+1.4+1.5-1.6-1.7- nguồn CCTL của trường học)	7.647	
1.1	Chi lương và các khoản theo lương (không bao gồm quỹ lương từ nguồn thu của đơn vị)	6.219	
	Trong đó:		
-	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thị xã	2.259	
-	Chi từ nguồn CCTL của đơn vị		
-	Chi từ nguồn NSNN cấp còn lại	3.960	
1.2	Kinh phí hoạt động theo định mức (sau khi loại trừ phần kinh phí đã bố trí từ nguồn thu của đơn vị)	1.147	
1.3	Kinh phí hoạt động bổ sung thêm đối với các trường tiểu học không thu học phí (0,4 triệu đồng/học sinh)	263	
1.4	Hỗ trợ điểm trường lẻ (50 triệu đồng/trường)	50	
1.5	Kinh phí hoạt động bổ sung để đạt tỷ lệ % quỹ tiền lương/chi khác là 80/20 theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Chính phủ và NQ 185/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	142	
1.6	Tiết kiệm 10% chi hoạt động để tạo nguồn CCTL năm 2025 theo quy định	160	
1.7	Tiết kiệm 10% dự toán giao năm 2025 tăng so với dự toán giao năm 2024 sau khi loại trừ các khoản theo quy định	14	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ NSNN cấp (=2.1+2.2+2.3+2.4+2.5+2.6+2.7+2.8+2.9-2.10)	1.144,7	
2.1	Chế độ chính sách cho học sinh các trường công lập	24	
2.2	Chế độ chính sách cho giáo viên	231	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
2.3	Kinh phí quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thiết bị Công nghệ thông tin được đầu tư theo đề án TP thông minh		
2.4	Kinh phí thực hiện đề án dạy bơi	38	
2.5	Kinh phí hoạt động chung	215	
2.6	Kinh phí mua sắm, bổ sung trang thiết bị trường, lớp học	69,7	
2.7	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ mầm non		
2.8	Kinh phí chi cho chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	230	
2.9	Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của chính phủ	345	
2.10	Tiết kiệm 10% dự toán giao năm 2025 tăng so với dự toán giao năm 2024 sau khi loại trừ các khoản theo quy định (tại nội dung kinh phí hoạt động chung)	8	